

Số: 44/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 62/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Cao Đức L, sinh năm 1976;

Căn cước công dân số: 002076000433, cấp ngày 30/3/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã Q, tỉnh Tuyên Quang;

- Bị đơn: Chị Mua Thị L, sinh năm 1984;

Căn cước số: 002184005271, cấp ngày 08/01/2025, nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Cao Đức L và chị Mua Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Đức L và chị Mua Thị L nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Cao Đức L và chị Mua Thị L xác nhận có 01 con chung và thống nhất chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cao Kỳ D, sinh ngày 19/02/2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 5.000.000,đ (năm triệu đồng).

Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2026 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng theo tháng, đến ngày cuối cùng của tháng anh L phải thanh toán xong cho chị L số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh L và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai ngày 01/07/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- THADS Tuyên Quang;
- UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Danh Nhân